

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phê duyệt Quy chế quản lý Đầu tư xây dựng**  
**trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo máy-VINACOMIN

Hiện nay, trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng, Công ty đang thực hiện theo Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng được ban hành theo Quyết định số 918/QĐ-VMC ngày 08/4/2021 của HĐQT Công ty.

Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành các quy định mới về quản lý đầu tư xây dựng như: Luật số 62/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường,...

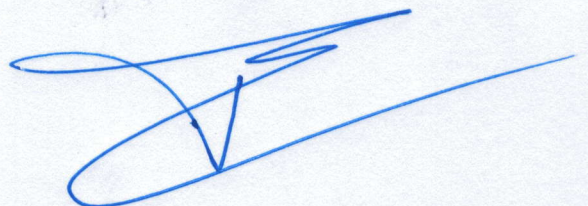
Để công tác Đầu tư và xây dựng của Công ty đáp ứng yêu cầu quản lý theo quy định hiện hành và phát huy năng lực quản lý điều hành, hiệu quả công tác đầu tư... Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng của Công ty cần được sửa đổi, ban hành cho phù hợp. Trong thời gian qua, Giám đốc Công ty đã giao cho các bộ phận chức năng xem xét, rà soát, sửa đổi, bổ sung các nội dung trong quy chế để phù hợp với các quy định hiện hành và tổ chức lấy ý kiến các đơn vị sau đó tổng hợp sửa đổi (*Có Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng sửa đổi kèm theo*).

Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt, ban hành./

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, CĐ-AT.

**GIÁM ĐỐC**





Số: /QĐ-VMC

Cầm Phả, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng**  
**trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;*

*Căn cứ các văn bản Pháp luật hiện hành của Nhà nước về công tác đầu tư và xây dựng; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VMC ngày / /2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 918/QĐ-VMC ngày 08/4/2021 về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

**Điều 3.** Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (e-copy);
- ĐU, BKS Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Tứ**



**QUY CHẾ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**  
**TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VMC ngày / /2023)*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty hay VMC: Là Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.
2. Tập đoàn TKV: Là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
3. Điều lệ: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy- VINACOMIN.

4. Hoạt động đầu tư: Là hoạt động của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư gồm các khâu chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, kết thúc đầu tư, kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng và quản lý dự án đầu tư.

5. Dự án đầu tư: Là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung hạn và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian nhất định, bao gồm: Chương trình, dự án ĐTXD mới; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã ĐTXD; dự án mua sắm tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt; dự án sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị; dự án, đề án quy hoạch; dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, điều tra cơ bản; các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển khác.

6. Dự án đầu tư xây dựng: Là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng, dự án được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo đề xuất đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc BCKT-KT đầu tư xây dựng.

7. Quản lý đầu tư xây dựng: Là việc quản lý quá trình hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp (bao gồm các dự án đầu tư nói chung và dự án đầu tư xây dựng công trình nói riêng) bao gồm các khâu: chuẩn bị đầu tư, thực hiện và quản lý dự án đầu tư.

8. Giai đoạn chuẩn bị dự án: Là các bước công việc chuẩn bị cho việc thực hiện nói chung và dự án đầu tư xây dựng nói riêng, bao gồm các công tác:

8.1. Lập, duyệt đề cương, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu của công tác chuẩn bị dự án: Khảo sát, phương án hướng tuyến, chấp thuận địa điểm, nhiệm



vụ quy hoạch, quy hoạch, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo đánh giá tác động môi trường... tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện các nội dung chuẩn bị dự án phục vụ lập dự án ĐTXD;

8.2. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; lập dự án mua sắm tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt; dự án sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị;

8.3. Thẩm định, quyết định (phê duyệt) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư (quyết định đầu tư); lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thực hiện các thủ tục đầu tư (thẩm tra, cấp phép đầu tư, đăng ký đầu tư...).

9. Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc như: Thực hiện việc giao đất hoặc thuê đất (nếu có); chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có); khảo sát xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định); tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành; bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; vận hành, chạy thử và thực hiện các công việc cần thiết khác.


10. Giai đoạn kết thúc đầu tư, kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng, gồm các công việc: Quyết toán hợp đồng xây dựng, bảo hành công trình xây dựng.

11. Kế hoạch đầu tư và phân loại dự án

11.1. Kế hoạch đầu tư: Là tập hợp các mục tiêu, định hướng, danh mục dự án đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị; cân đối nguồn vốn đầu tư, để triển khai thực hiện. Kế hoạch đầu tư bao gồm kế hoạch đầu tư hàng năm và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

11.2. Phân loại dự án (nhóm A, B, C) theo phân loại dự án đầu tư xây dựng theo Điều 8, 9, 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Khoản 8 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công và các văn bản hiện hành.

12. Chủ đầu tư: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư. Chủ đầu tư xây dựng được xác định theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 của Luật Xây dựng và Khoản 6 Điều 4 của Luật Đầu tư công.

13. Người quyết định đầu tư: Là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền phê duyệt dự án và quyết định đầu tư xây dựng. 



14. Cơ quan chuyên môn về xây dựng: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

15. Pháp luật: Là pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

16. Nhà nước: Là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

17. Từ ngữ viết tắt:

- HĐQT Công ty: Hội đồng quản trị Công ty.
- SXKD: Sản xuất kinh doanh;
- ĐTXD: Đầu tư và xây dựng;
- BCKT-KT: Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật;
- TKKT-DT: Thiết kế kỹ thuật - dự toán;
- TKKTTC-DT: Thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán.
- TKBVTC-DT: Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán;
- Luật Đầu tư: Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Đầu tư công: Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Đấu thầu: Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Luật Xây dựng: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 69/2014/QH13: Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;
- Luật Bảo vệ môi trường: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Kiến trúc: Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật số 62/2020/QH14: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP: Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Nghị định 50/2021/NĐ-CP: Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP;
- Nghị định 63/2014/NĐ-CP: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Hướng dẫn Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án ĐTXD;



- Nghị định 29/2021/NĐ-CP: Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

- Nghị định 85/2020/NĐ-CP: Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị định 10/2021/NĐ-CP: Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định 99/2021/NĐ-CP: Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư 22/2015/TT-BKHĐT: Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/10/2015 về Quy định về biểu mẫu báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư;

- Thông tư 96/2021/TT-BTC: Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

- Quy chế 1656/QĐ-TKV: Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1656/QĐ-TKV ngày 01/10/2020.

18. Các thuật ngữ Hội đồng, Cán bộ quản lý theo giải thích của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

19. Các từ ngữ khác được giải thích theo: Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công, Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện.

## **Điều 2. Đối tượng quản lý đầu tư và xây dựng**

1. Dự án quy hoạch và phát triển ngành, khu vực, lĩnh vực sản xuất, môi trường và các lĩnh vực khác.

2. Dự án liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh trong các lĩnh vực đầu tư theo quy định tại Điều 27 của Luật Đầu tư.

3. Dự án đầu tư mua sắm tài sản, thiết bị có lắp đặt và không lắp đặt.

4. Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, phục hồi, sửa chữa nâng cấp các dự án đã đầu tư và xây dựng.

5. Dự án thuê, thuê mua tài chính.

6. Dự án nghiên cứu thử nghiệm, chuyển giao công nghệ.

7. Dự án khắc phục và bảo vệ môi trường.

8. Dự án sản xuất, chế tạo sản phẩm mới.

## **Điều 3. Nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý đầu tư và xây dựng**



1. Công ty thống nhất quản lý công tác đầu tư và xây dựng trong toàn Công ty nhằm thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả đầu tư đáp ứng nhu cầu của thị trường; phù hợp với khả năng huy động các nguồn vốn và điều kiện tài chính của Công ty; phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

2. Tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng như: Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, các nghị định và các quy định khác.

3. Phân cấp chức năng, nhiệm vụ quản lý của Công ty, quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của các cấp quản lý đầu tư từ HĐQT Công ty, Giám đốc điều hành (Giám đốc Công ty) đến các đơn vị trong Công ty.

#### **Điều 4. Yêu cầu cơ bản trong công tác quản lý đầu tư và xây dựng**

1. Bảo đảm thực hiện mục tiêu phát triển SXKD theo đúng kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm đã được HĐQT Công ty phê duyệt, phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu của thị trường, khả năng huy động vốn, điều kiện tài chính của Công ty và kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn TKV.

2. Sử dụng các nguồn vốn đầu tư hợp lý, khai thác tối đa các nguồn lực trong và ngoài Công ty để đầu tư có hiệu quả.

3. Đầu tư theo kế hoạch của Công ty đã được cấp có thẩm quyền thông qua, đúng quy hoạch, thiết kế được duyệt trên cơ sở định hướng phát triển của Công ty theo tổng sơ đồ phát triển ngành và vùng lãnh thổ. ĐTXD đảm bảo có hiệu quả đúng mục tiêu của dự án đề ra, độ bền vững, mỹ quan, an toàn, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các quy tắc trong xây dựng trên địa bàn (địa phương) Công ty đang hoạt động SXKD. Đầu tư đảm bảo chất lượng, tiến độ, chi phí hợp lý nhằm áp dụng công nghệ tiên tiến và đảm bảo cạnh tranh lành mạnh.

4. Tuân thủ đúng, đủ các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng theo Pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Nghiêm khắc xử lý mọi hành vi tham ô lãng phí, gây thất thoát, vi phạm các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

#### **Điều 5. Nguồn vốn đầu tư và xây dựng**

1. Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm: Vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Vốn đầu tư phát triển doanh nghiệp, bao gồm:

2.1. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp: Vốn góp của Chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, cổ phiếu quỹ, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quỹ khác, vốn khấu hao tài sản cố định, nguồn vốn huy động của CBCNV và vốn khác;



2.2. Nguồn vốn nợ (vay): Trái phiếu Công ty, tín dụng ngân hàng, tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng thuê mua, tín dụng thương mại (chiếm dụng vốn của nhà cung cấp);

2.3. Quỹ phúc lợi.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác: Được quản lý, sử dụng và ĐTXD theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

4. Vốn hợp tác liên doanh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài: Bằng quyền sử dụng đất, bằng tiền, thương quyền, thương hiệu,... và các tài sản hợp pháp khác (kể cả tài sản trí tuệ) để góp vốn thành lập Tổ chức kinh tế thực hiện đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các quy định hiện hành.

### **Điều 6. Môi quan hệ với Tập đoàn TKV**

1. Căn cứ kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV hằng năm, Công ty quyết định hình thức đầu tư các dự án; quyết định các dự án đầu tư đến nhóm A theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ đảm bảo hiệu quả đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người đại diện phần vốn của Tập đoàn TKV tại Công ty tổ chức thực hiện công tác lập kế hoạch ĐTXD, chuẩn bị dự án, thực hiện dự án theo quy định tại Điều 9 Quy chế 1656/QĐ-TKV. Một số nội dung cụ thể:

2.1. Báo cáo kế hoạch ĐTXD hằng năm (kể cả kế hoạch điều chỉnh), kế hoạch ĐTXD phát triển 5 năm và quá trình thực hiện kế hoạch ĐTXD theo quy định đối với kế hoạch đã được Tập đoàn TKV thông báo.

2.2. Thông qua nội dung dự án có tổng mức đầu tư từ 15 (mười lăm) tỷ đồng trở lên do Tập đoàn TKV trực tiếp đầu tư 100% vốn đầu tư dự án.

2.3. Tổ chức thẩm định, trình Bộ quản lý ngành để xem xét, bổ sung quy hoạch hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng được duyệt theo nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định 15/2021/NĐ-CP trước khi lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2.4. Thông qua bổ sung kế hoạch chuẩn bị dự án, thực hiện dự án trước khi lập, thực hiện dự án với các dự án chưa có trong kế hoạch năm theo thẩm quyền quy định tại Khoản 5 Điều 14 Quy chế 1656/QĐ-TKV.

2.5. Thông qua phương án góp vốn đầu tư đối với dự án do Công ty trực tiếp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, phương án thành lập mới doanh nghiệp và quản lý thực hiện dự án của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 14 và thực hiện quy định thông qua dự án, sử dụng vốn quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế 1656/QĐ-TKV và Điều lệ của Công ty. *gk*



## CHƯƠNG II

### TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

#### **Điều 7. Nguyên tắc phân cấp và uỷ quyền**

1. Cấp nào quyết định đầu tư dự án thì cấp đó có trách nhiệm xem xét phê duyệt các bước tiếp theo của quá trình thực hiện dự án kể cả việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, trừ những phần việc theo phân cấp hoặc đã uỷ quyền cho người khác bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện đầu tư, nếu có sự điều chỉnh dự án với mức đầu tư vượt mức được phân cấp phê duyệt, người có thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp, uỷ quyền phải báo cáo HĐQT Công ty xem xét quyết định.

3. Người được uỷ quyền quyết định đầu tư không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

4. Người được uỷ quyền phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và HĐQT Công ty về việc tổ chức thực hiện đầu tư có hiệu quả về quyết định của mình.

#### **Điều 8. Thẩm quyền quản lý đầu tư và xây dựng**

1. Đại hội đồng Cổ đông Công ty

Quyết định đầu tư của Công ty có giá trị từ 35% trở lên so với tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất sau kiểm toán.

2. Hội đồng quản trị Công ty:


2.1. Trình cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch đầu tư (chuẩn bị đầu tư dài hạn, trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty, báo cáo xin ý kiến của cấp có thẩm quyền trước khi quyết định đầu tư các dự án không có trong danh mục kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm của Công ty đã được phê duyệt;

2.2. Phê duyệt quy hoạch phát triển, định hướng chiến lược đầu tư, kế hoạch huy động vốn đầu tư của Công ty;

2.3. Quyết định đầu tư của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất sau kiểm toán; các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh; các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch ĐTXD năm của Công ty;

2.4. Quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, quyết toán vốn đầu tư các dự án (trừ các dự án theo phân cấp hoặc đã uỷ quyền cho Giám đốc Công ty phê duyệt);

2.5. HĐQT Công ty phân cấp, uỷ quyền cho Giám đốc Công ty quyết định đầu tư các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty, được cấp có thẩm quyền thông qua, bao gồm các dự án sau:

- Dự án đầu tư mới thiết bị, công trình xây dựng mới; 



- Dự án cải tạo nâng cấp các công trình xây dựng;
- Dự án sửa chữa, cải tạo nâng cấp, phục hồi thiết bị;
- Và các dự án khác có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng/1 dự án (trừ các dự án đầu tư thử nghiệm, mua sắm xe con, thiết bị đã qua sử dụng).

### 3. Giám đốc Công ty:

3.1. Tổ chức lập thẩm định và trình HĐQT Công ty quy hoạch phát triển của Công ty có liên quan đến vùng và khu vực địa bàn nơi Công ty đang SXKD, kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm, phương án huy động vốn đầu tư xây dựng, dự án liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật, các dự án do HĐQT Công ty quyết định đầu tư hoặc trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

3.2. Trình HĐQT Công ty phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án do HĐQT Công ty phê duyệt quyết định đầu tư hoặc thông qua HĐQT Công ty để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.3. Quyết định đầu tư các dự án đã được HĐQT Công ty phân cấp hoặc ủy quyền và là chủ đầu tư các dự án do HĐQT Công ty quyết định đầu tư; Phê duyệt TKKT-DT, TKBVTC-DT các dự án do HĐQT Công ty uỷ quyền quyết định đầu tư.

3.4. Quyết định đầu tư mua sắm vật tư, thiết bị, thi công xây dựng công trình trong trường hợp khẩn cấp giải quyết sự cố bất khả kháng, sau đó chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ và báo cáo HĐQT Công ty theo quy định.

3.5. Phê duyệt TKKTTC-DT, TKBVTC-DT, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đánh giá quá trình lựa chọn nhà thầu, hồ sơ quyết toán vốn đầu tư các dự án đã được phân cấp hoặc ủy quyền của HĐQT Công ty.

3.6. Sử dụng bộ máy giúp việc có đủ kinh nghiệm, năng lực, trình độ chuyên môn (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ tư cách pháp nhân) để: Lập, thẩm định, thẩm tra các dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu, tư vấn và giám sát các dự án đầu tư theo kế hoạch.


3.7. Thực hiện các công việc được uỷ quyền cụ thể theo các quyết định của HĐQT Công ty.

3.8. Tổ chức và báo cáo cấp có thẩm quyền về kết quả giám sát, đánh giá đầu tư của Công ty theo quy định.

## CHƯƠNG III

### TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

#### Điều 9. Chủ đầu tư

Giám đốc Công ty thực hiện trách nhiệm là Chủ đầu tư theo Khoản 12 Điều 1 Quy chế này. 



**Điều 10. Bộ máy giúp việc của Công ty**

1. Phòng Cơ điện-An toàn (sau đây viết tắt là Phòng CĐ-AT):

1.1. Là đầu mối lập kế hoạch ĐTXD dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty đảm bảo mục tiêu phát triển trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty và tổng sơ đồ phát triển ngành, kế hoạch phối hợp kinh doanh. Kế hoạch ĐTXD phải được lập theo quy định hiện hành.

1.2. Quản lý, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý ĐTXD trong Công ty.

1.3. Là đầu mối tổ chức lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, TKBVTC-DT các dự án của các nguồn vốn (trừ nguồn vốn ngân sách nhà nước) theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.4. Là đầu mối tổ chức thẩm tra, thẩm định hoặc báo cáo Giám đốc Công ty thuê tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định các dự án (trường hợp cần thiết đề nghị Giám đốc Công ty thành lập tổ chuyên gia tư vấn thẩm định dự án đầu tư xây dựng).

1.5. Dự thảo các văn bản có liên quan đến công tác ĐTXD để Giám đốc Công ty trình HĐQT Công ty phê duyệt hoặc trình Giám đốc Công ty phê duyệt.


1.6. Lập tờ trình, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đánh giá lựa chọn nhà thầu, thương thảo hoàn thiện và hợp đồng mua sắm, xây lắp các dự án do Công ty hoặc các đơn vị tư vấn lập theo quy định.

1.7. Phối hợp với Phòng Kế toán tài chính (Phòng KTTC) xác định nguồn vốn và các thủ tục xin vay vốn, cấp vốn đầu tư; lập dự toán công trình và quyết toán vốn đầu tư của Công ty.

1.8. Là đầu mối phối hợp cùng Phòng KTTC xây dựng nội dung của hợp đồng về ĐTXD trình Giám đốc Công ty phê duyệt.

1.9. Là thành viên thường trực trong việc tiếp nhận, lắp đặt, nghiệm thu, quyết toán và theo dõi bảo hành các dự án ĐTXD; tiếp nhận hồ sơ các dự án từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc dự án đưa vào vận hành.

1.10. Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Trường hợp những công trình Công ty không đủ điều kiện năng lực để giám sát, báo cáo Giám đốc Công ty thuê tư vấn giám sát có đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

1.11. Lập báo cáo giám sát đánh giá các dự án đầu tư do Công ty quyết định đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của Công ty theo quy định; tham gia quá trình khai thác sử dụng, đề xuất các biện pháp thực hiện và đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư. 



1.12. Thực hiện quản lý giá xây dựng công trình thuộc dự án ĐTXD và dự toán xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành; phối hợp với các phòng ban chức năng thẩm định biện pháp tổ chức thi công do đơn vị thi công lập.

1.13. Tổ chức quản lý các dự án ĐTXD của Công ty theo các Điều 20 đến Điều 24 Nghị định 15/2021/NĐ-CP, cụ thể:

- Đối với các dự án ĐTXD có tổng mức đầu tư dưới 15 (mười lăm) tỷ đồng, các dự án mua sắm thiết bị duy trì phục vụ sản xuất, dự án phục hồi, nâng cấp tài sản, Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án (sử dụng bộ phận giúp việc về kỹ thuật, nghiệp vụ để thực hiện);

- Đối với các dự án ĐTXD có tổng mức đầu tư từ 15 (mười lăm) tỷ đồng trở lên, Chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án hoặc thuê tư vấn quản lý dự án (nếu cần).

1.14. Phòng CĐ-AT là thành viên thường trực trong tổ chuyên gia tư vấn và thẩm định các dự án ĐTXD và được quyền:

- Ký các văn bản thông báo, kiểm tra đơn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện các công việc thuộc các dự án đầu tư xây dựng;

- Đình chỉ thi công các dự án ĐTXD của Công ty quản lý nếu có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc thực hiện không đúng với TKBVTC-DT được phê duyệt và báo cáo Giám đốc Công ty xử lý kịp thời.

1.15. Lập báo cáo thực hiện kế hoạch ĐTXD theo yêu cầu.

1.16. Tổ chức lưu trữ, quản lý hồ sơ các dự án ĐTXD theo quy định.

2. Phòng Kế toán tài chính (sau đây viết tắt là Phòng KTTC):

2.1. Là đầu mối cùng các phòng ban khác cân đối, huy động và quản lý nguồn vốn ĐTXD theo quy định hiện hành, lập kế hoạch vay trả nợ vốn đầu tư, xác định năng lực tài sản tăng hàng năm và dài hạn.

2.2. Là đầu mối phối hợp với Phòng CĐ-AT lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo hướng dẫn và các quy định hiện hành.

2.3. Chủ trì trong việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định hiện hành.

2.5. Là đầu mối tổ chức theo dõi đánh giá hiệu quả dự án đầu tư về mặt kinh tế.

2.6. Là thành viên trong hội đồng nghiệm thu khối lượng hoàn thành các công trình ĐTXD, đầu tư thiết bị, kiểm tra các thủ tục thanh toán theo quy định.

2.7. Phối hợp cùng Phòng CĐ-AT lập báo cáo thực hiện ĐTXD theo quy định của cơ quan quản lý hoặc theo đề nghị của các tổ chức có liên quan.



2.8. Là thành viên của tổ chuyên gia tư vấn và thẩm định các dự án ĐTXD.

2.9. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về tài chính trong ĐTXD theo quy định hiện hành.

3. Phòng Kế hoạch - Vật tư (sau đây viết tắt là Phòng KH-VT)

3.1. Cùng với Phòng KTTC, Phòng CĐ-AT xác định các nguồn vốn đầu tư, tổng hợp kế hoạch ĐTXD, kế hoạch sửa chữa vật kiến trúc trong kế hoạch SXKD hàng năm, trung và dài hạn của Công ty.

3.2. Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, nhập kho, quản lý và cấp phát vật tư, phụ tùng (kể cả vật tư, phụ tùng miễn phí) theo quy định.

3.3. Tham gia thực hiện các dự án ĐTXD (theo yêu cầu); tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, bố trí việc làm và đề xuất các biện pháp đảm bảo sử dụng có hiệu quả các dự án đầu tư.

4. Phòng Kỹ thuật - Công nghệ (sau đây viết tắt là Phòng KT-CN)

4.1. Phối hợp cùng Phòng CĐ-AT lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập các dự án như: Quy hoạch đầu tư mở rộng phát triển sản xuất, dự án môi trường, thoát nước, quy hoạch mặt bằng công nghiệp và phòng chống mưa bão của Công ty theo kế hoạch hàng năm, trung và dài hạn.

4.2. Là thành viên tổ chuyên gia tư vấn và thẩm định các dự án ĐTXD, dự án môi trường của Công ty.

4.3. Phối hợp cùng các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch ĐTXD, kế hoạch môi trường trung hạn, dài hạn và hàng năm.

4.4. Là thành viên trong hội đồng nghiệm thu khối lượng hoàn thành các công trình ĐTXD.

4.5. Chủ trì công tác sử dụng hiệu quả dự án đầu tư về mặt kỹ thuật công nghệ sản xuất.

5. Các đơn vị liên quan khác: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm phối hợp và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả các dự án đầu tư.

## **CHƯƠNG IV**

### **CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**

#### **Điều 11. Kế hoạch đầu tư và xây dựng**

1. Lập kế hoạch đầu tư và xây dựng:

- Đồng thời với việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phối hợp kinh doanh, Công ty triển khai lập kế hoạch ĐTXD hàng năm;



- Kế hoạch ĐTXD được lập căn cứ định hướng đầu tư phát triển của Công ty trên cơ sở quy hoạch phát triển ngành và các quy hoạch phát triển các vùng, ngành khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; căn cứ kế hoạch kỹ thuật hàng năm của Công ty để tiến hành lập kế hoạch ĐTXD trên cơ sở cân đối các nguồn vốn đầu tư theo quy định đảm bảo đầu tư tập trung, hoàn thành dự án trong thời gian quy định.

## 2. Nội dung kế hoạch đầu tư

2.1. Kế hoạch điều tra, khảo sát, lập quy hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực trên cơ sở đề cương và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Kế hoạch chuẩn bị đầu tư bao gồm: Danh mục dự án, nguồn vốn, khối lượng công việc, thời hạn để thực hiện điều tra khảo sát, lập, thẩm định và quyết định đầu tư,... Trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải ghi rõ hình thức, phương thức thực hiện theo quy định về đấu thầu hiện hành.

## 3. Kế hoạch thực hiện dự án

3.1. Kế hoạch chuẩn bị thực hiện dự án bao gồm: Danh mục dự án, nguồn vốn, khối lượng công việc, thời hạn để thực hiện công tác khảo sát, TKKT-DT, quá trình lựa chọn nhà thầu, đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có), xây dựng nhà ở tạm công nhân xây dựng.

3.2. Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm: Danh mục dự án, nguồn vốn để thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư, xây lắp công trình và các chi phí có liên quan để đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

3.3. Kế hoạch vay trả nợ vốn đầu tư trong năm kế hoạch.


3.4. Kế hoạch năng lực tăng tài sản.

3.5. Kế hoạch huy động, cân đối vốn thực hiện các nội dung kế hoạch đầu tư nêu trên: Bao gồm giá trị các loại nguồn vốn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và cân đối cho kế hoạch đầu tư.

## 4. Điều kiện ghi kế hoạch đầu tư hàng năm

4.1. Dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư: Phải nằm trong quy hoạch ngành, vùng, lĩnh vực hoặc dự án đã có chủ trương bằng văn bản hoặc đề cương dự toán cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt (tùy thuộc từng loại dự án) của cấp có thẩm quyền.

4.2. Các dự án được ghi vào kế hoạch thực hiện đầu tư

a. Các dự án phải có quyết định đầu tư được phê duyệt; dự án nhóm C phải có TKKT-DT hoặc TKBVTC-DT được duyệt; dự án nhóm A, B nếu chưa có TKKT-DT được duyệt nhưng trong quyết định đầu tư đã quy định mức vốn của từng hạng mục và có TKBVTC-DT hạng mục được duyệt thì công trong năm thì được ghi kế hoạch thực hiện đầu tư. 



b. Các dự án mua sắm thiết bị không cần lắp đặt phải có kế hoạch đầu thầu được duyệt.

c. Các dự án có quy mô nhỏ, có thể thực hiện trong thời gian 01 năm; dự án mua sắm thiết bị duy trì sản xuất hàng năm chưa xác định chính xác về thời gian thực hiện hoặc chưa đảm bảo điều kiện về thu xếp vốn được ghi vào kế hoạch dự phòng.

d. Nguồn vốn đã được xác định trên cơ sở: Hợp đồng tín dụng đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn vay tín dụng thương mại; quyết định cấp vốn đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA; quyết định, thủ tục cấp, vay vốn đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của Tập đoàn TKV theo quy định.

e. Đảm bảo cân đối ưu tiên nguồn vốn tự có (vốn khấu hao tài sản cố định, vốn tự bổ sung, quỹ đầu tư phát triển, vốn góp cổ đông); nguồn vốn thực hiện dự án phải phù hợp với nguồn vốn được ghi trong quyết định đầu tư, quyết định sử dụng vốn.

5. Các dự án đầu tư chỉ được tiến hành các bước công việc khi kế hoạch đầu tư đã được HĐQT Công ty và cấp có thẩm quyền thông qua. Trường hợp phát sinh dự án phục vụ kịp thời cho sản xuất, Giám đốc Công ty báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có văn bản thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của kế hoạch.

6. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư:

6.1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư theo quy định hiện hành của Pháp luật.

6.2. Nguyên tắc điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư:

a. Dự án được chuyển bước kế hoạch đầu tư lên kế hoạch dự án khởi công mới khi đáp ứng đồng thời các điều kiện dưới đây:

- Dự án có danh mục trong kế hoạch chuẩn bị, hoặc kế hoạch dự phòng hoặc cả kế hoạch dự phòng và kế hoạch chuẩn bị;

- Dự án có quyết định phê duyệt (quyết định đầu tư) hoặc có văn bản thông qua của cấp có thẩm quyền.

b. Giá trị kế hoạch khi chuyển bước lên dự án khởi công mới: Giá trị điều chỉnh chuyển bước kế hoạch không vượt giá trị tổng mức đầu tư (dự kiến) trong kế hoạch đầu tư được giao, thông qua.

7. Báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư: Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

## **Điều 12. Công tác chuẩn bị dự án đầu tư**

1. Nội dung đề cương và dự toán cho công tác chuẩn bị dự án đầu tư bao gồm các công tác chuẩn bị phục vụ lập dự án như: Điều tra, khảo sát ban đầu, các công việc liên quan phục vụ lập dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu tiền khả



thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, BCKT-KT đầu tư xây dựng); lập dự án đầu tư mua sắm thiết bị duy trì, phục vụ sản xuất; lập dự án không có cấu phần xây dựng; tổ chức đấu thầu tư vấn (nếu có).

2. Các dự án đầu tư có công tác chuẩn bị dự án, Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt đề cương, dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu quá trình thực hiện công tác chuẩn bị dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 10/2021/NĐ-CP.

3. Thi tuyển kiến trúc công trình xây dựng theo Điều 17 Luật Kiến trúc và Mục 3 Nghị định 85/2020/NĐ-CP.

4. Nguồn chi phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư

4.1. Chi phí chuẩn bị dự án được tính trong nguồn vốn đầu tư của dự án.

4.2. Đối với dự án chưa xác định được nguồn vốn đầu tư thì Chủ đầu tư sử dụng nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp hoặc vay vốn ngân hàng để thực hiện và sau khi xác định được nguồn vốn chính thức sẽ hoàn trả.

4.3. Dự án đã có quyết định đầu tư nhưng không được triển khai do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng và các dự án đã lập nhưng không được phê duyệt, thì chi phí cho công tác chuẩn bị dự án do HĐQT Công ty quyết định.

### **Điều 13. Lập dự án đầu tư**

1. Khi thực hiện ĐTXD, Chủ đầu tư tổ chức lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung dự án ĐTXD thực hiện theo các Điều 9, Điều 11 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các Điều 53, 54, 55 Luật Xây dựng.

2. Dự án đầu tư xây dựng (ngoài các dự án quy định tại Khoản 6, Điều này) không phân biệt nguồn vốn đều phải lập: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (đối với dự án nhóm A), Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD. Cụ thể như sau:

a. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi ĐTXD nhóm A được lập theo quy định tại Điều 9 Nghị định 15/2021/NĐ-CP, nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 53 Luật Xây dựng.

b. Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD được lập theo quy định tại Điều 11 Nghị định 15/2021/NĐ-CP, nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng và các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý.

3. Lập dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng như: Dự án chế tạo thiết bị đồng bộ, phục hồi nâng cấp thiết bị, mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai,... được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Đối với các dự án đặc thù có quy định riêng của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện theo quy định đặc thù.



4. Đối với dự án chưa có trong quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng thì Chủ đầu tư phải báo cáo Bộ quản lý ngành hoặc địa phương (theo phân cấp) để xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch hoặc trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung quy hoạch ngành trước khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

5. Các dự án đầu tư bảo vệ môi trường thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành luật của Chính phủ.

6. Khi đầu tư xây dựng các công trình, Chủ đầu tư không phải lập dự án đầu tư mà chỉ lập BCKT-KT đối với các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (theo Khoản 3 Điều 5 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) và nội dung BCKT-KT thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Xây dựng.

7. Tổng mức đầu tư dự án được lập và quản lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

#### **Điều 14. Trình duyệt, thẩm định, điều chỉnh dự án đầu tư**

##### 1. Trình duyệt dự án đầu tư

##### 1.1. Dự án trình Giám đốc Công ty phê duyệt quyết định đầu tư

Phòng CD-AT cùng các phòng liên quan tổ chức lập (hoặc thuê đơn vị tư vấn lập) và thẩm định các dự án đầu tư, trình Giám đốc Công ty quyết định.

##### 1.2. Dự án trình HĐQT Công ty phê duyệt quyết định đầu tư:

a. Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định dự án, lập tờ trình gửi cùng hồ sơ dự án trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt quyết định đầu tư.

b. Hồ sơ dự án trình HĐQT Công ty gồm 03 bộ hoặc số lượng hồ sơ theo quy định cụ thể của từng loại dự án.

##### 2. Thẩm định dự án đầu tư

2.1. Lập thẩm định và phê duyệt báo cáo, đề án đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư:

a. Lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư theo Mục 3, Chương IV Luật Bảo vệ môi trường và Điều 25, 26, 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các văn bản quy định hiện hành.

b. Giấy phép môi trường thực hiện theo Mục 4, Chương IV Luật Bảo vệ môi trường và Mục 2, Chương III Nghị định 08/2022/NĐ-CP và các văn bản quy định hiện hành.

##### 2.2. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 33, 34, 35, 36, 37, 73, 74 Luật Đấu thầu; Điều 102 Nghị định 63/2014/NĐ-CP và Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày



26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy định hiện hành.

2.3. Tổ chức tư vấn lập dự án ĐTXD, tư vấn ĐTXD thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 70 Luật Xây dựng và Mục 2, Chương VI Nghị định 15/2021/NĐ-CP, Luật Đấu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

2.4. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở dự án ĐTXD thực hiện theo Điều 12, 13 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2.5. Nội dung và thời gian thẩm định dự án đầu tư

a. Nội dung thẩm định dự án đầu tư thực hiện theo Điều 58 của Luật Xây dựng, Luật 62/2020/QH14 và Điều 14 đến Điều 17 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

b. Thời gian thẩm định dự án (kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ) thực hiện theo Điều 59 Luật Xây dựng, Luật 62/2020/QH14, cụ thể:

- Thời gian thẩm định dự án không quá 40 ngày đối với dự án nhóm A;
- Thời gian thẩm định dự án không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B;
- Thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức thẩm định phải báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn, thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng như trên;
- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở (theo Khoản 16 Điều 1 Luật 62/2020/QH14) của dự án không quá 40 ngày đối với dự án nhóm A, 30 ngày đối với dự án nhóm B, 20 ngày đối với dự án nhóm C.


2.6. Chi phí thẩm định dự án thực hiện theo quy định hiện hành, được xác lập trong nguồn vốn đầu tư của dự án. Dự án có quyết định đầu tư nhưng không được triển khai do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng hoặc lý do chính đáng thì chi phí lập dự án, thẩm định dự án được thanh toán vào nguồn vốn của doanh nghiệp.

2.7. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án trước khi phê duyệt. Đầu mỗi thẩm định dự án là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan.

3. Điều chỉnh dự án đầu tư

3.1. Điều chỉnh dự án đầu tư, thiết kế cơ sở

Thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Xây dựng; Điều 19 Nghị định 15/2021/NĐ-CP; Điều 9 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

3.2. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình: 



a. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Xây dựng, Điều 15 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

b. Cấp nào quyết định đầu tư dự án thì cấp đó có trách nhiệm quyết định điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Các trường hợp do Chủ đầu tư quyết định phải chịu trách nhiệm và báo cáo người quyết định đầu tư.

c. Tổ chức thẩm định và phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành

## **CHƯƠNG V**

### **THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

#### **Điều 15. Lập, thẩm định phê duyệt thiết kế công trình xây dựng**

##### **1. Chức năng thiết kế**

1.1. Đối với các dự án phải thuê thiết kế: Chủ đầu tư thuê các tổ chức tư vấn được quy định theo Chương VI Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

1.2. Đối với các dự án tự thiết kế: Chủ đầu tư sử dụng lực lượng chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ của đơn vị.

##### **2. Lập thiết kế xây dựng công trình**

Tuỳ theo quy mô, tính chất công trình xây dựng, việc thiết kế công trình xây dựng có thể thực hiện theo một bước, hai bước hoặc ba bước như sau:

2.1. Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình chỉ lập BCKT-KT xây dựng.

2.2. Thiết kế 2 bước bao gồm: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình phải lập dự án.

2.3. Thiết kế 3 bước bao gồm: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng cho công trình phải lập dự án cấp đặc biệt, cấp I và cấp II có kỹ thuật phức tạp do người quyết định đầu tư quyết định.

Thiết kế xây dựng phải tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do Nhà nước ban hành và phải được thể hiện trên bản vẽ theo quy định. Thiết kế phải thể hiện được các khối lượng công tác xây dựng chủ yếu để làm cơ sở xác định chi phí xây dựng.

2.4. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình: Được thực hiện theo Điều 31 đến Điều 34 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

##### **3. Thẩm định, phê duyệt**



3.1. Chủ đầu tư tự tổ chức việc thẩm định, phê duyệt (theo phân cấp và uỷ quyền) thiết kế kỹ thuật, TKBVTC-DT đối với các dự án thực hiện theo các Điều 35 đến Điều 39 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3.2. Trường hợp không đủ điều kiện năng lực để thẩm định làm cơ sở cho việc phê duyệt, Chủ đầu tư thuê các tổ chức tư vấn để lập thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và quy định hiện hành. Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn thực hiện quy định tại Chương VIII của Luật Xây dựng, Luật 62/2020/QH14 và Mục 2, Chương VI Nghị định 15/2021/NĐ-CP và quy định hiện hành.

3.3. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định 15/2021/NĐ-CP; Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

3.4. Bộ phận chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán của dự án có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng có cấu phần xây dựng gồm các hạng mục công trình, công việc không quyết định đến mục tiêu đầu tư, an toàn trong vận hành, sử dụng và có tỷ trọng chi phí phần xây dựng nhỏ hơn 5 (năm) tỷ đồng; chủ trì thẩm định đối với báo cáo kỹ thuật dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình sử dụng nguồn vốn có tính chất đầu tư.

3.5. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu

a. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

b. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu theo quy định tại Chương III Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

3.6. Chi phí thẩm định, thẩm tra thiết kế, dự toán

a. Chi phí thẩm định, thẩm tra thiết kế, dự toán công trình được tính vào dự toán xây dựng công trình và tổng mức đầu tư.

b. Phòng CD-AT có trách nhiệm lập và trình phê duyệt nguồn kinh phí cho việc thẩm định các dự án ĐTXD công trình theo quy định.

4. Giấy phép xây dựng công trình

Trước khi khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải lập hồ sơ xin cấp phép xây dựng công trình theo quy định tại các Chương IV Nghị định 15/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

#### **Điều 16. Hình thức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động ĐTXD**

1. Nguyên tắc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động ĐTXD: Nhằm chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực để cung cấp sản phẩm, dịch vụ tư vấn, mua



sắm hàng hoá và xây lắp phù hợp; có giá gói thầu hợp lý đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư.

## 2. Việc lựa chọn nhà thầu:

2.1. Hoạt động đấu thầu: Các dự án sử dụng vốn Nhà nước theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1 của Luật Đấu thầu thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

Dự án sử dụng vốn Nhà nước dưới 30% trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu được khuyến khích thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

### 2.2. Lựa chọn nhà thầu tư vấn chuẩn bị thực hiện dự án

Theo Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu dưới 500 (năm trăm) triệu đồng được phép chỉ định thầu.

### 2.3. Lựa chọn nhà thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá

a. Chỉ định thầu xây lắp và mua sắm hàng hoá: Thực hiện theo Điều 22 Luật Đấu thầu và Điều 54 Nghị định 63/2014/NĐ-CP như sau:

- Không quá 01 (một) tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án đầu tư phát triển. Không quá 100 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên, nếu thấy cần thiết thì tổ chức đấu thầu;

- Khi thực hiện chỉ định thầu, phải lựa chọn nhà thầu được xác định là đủ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và phải tuân thủ quy trình thực hiện chỉ định thầu theo Điều 55, 56 Nghị định 63/2014/ NĐ-CP;


- Trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, dịch họa, sự cố cần khắc phục ngay thì Chủ đầu tư được chỉ định ngay nhà thầu có đủ năng lực để thực hiện; trong trường hợp này Chủ đầu tư cùng với Nhà thầu được chỉ định thầu tiến hành thủ tục chỉ định thầu theo quy định trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày chỉ định thầu;

- Trước khi thực hiện chỉ định thầu, dự toán của gói thầu phải được phê duyệt theo quy định.

b. Chào hàng cạnh tranh: Thực hiện theo Điều 23 của Luật Đấu thầu và các Điều 57, 58, 59 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

c. Mua sắm trực tiếp: Thực hiện theo Điều 24 của Luật Đấu thầu và Điều 60 Nghị định 63/2014/ NĐ-CP.

d. Tự thực hiện: Thực hiện theo Điều 25 của Luật Đấu thầu và Điều 61, 62 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

đ. Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác thực hiện theo Điều 20, 21, 26 của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các quy định hiện hành. 



3. Chủ đầu tư (Giám đốc Công ty) chịu trách nhiệm lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đánh giá lựa chọn nhà thầu, quyết định phê duyệt hoặc trình HĐQT Công ty phê duyệt (đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT Công ty) để tổ chức thực hiện.

4. Sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn TKV: Thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tập đoàn TKV.

5. Trong trường hợp gói thầu có đặc thù riêng biệt không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 20 đến Điều 25 của Luật Đấu thầu thì Chủ đầu tư phải lập phương án lựa chọn nhà thầu đảm bảo mục tiêu cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trình HĐQT Công ty và các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

6. Thực hiện lộ trình lựa chọn nhà thầu qua mạng: Theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định hiện hành.

#### **Điều 17. Quản lý thi công xây dựng công trình**

Quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm: Quản lý tiến độ xây dựng công trình; quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình; quản lý chi phí ĐTXD công trình trong quá trình thi công xây dựng; quản lý hợp đồng xây dựng; quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng thực hiện theo Điều 65, 66 Luật Xây dựng. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình được thực hiện theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành .

#### **Điều 18. Quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng**

1. Chi phí ĐTXD công trình được xác định theo công trình phù hợp với bước thiết kế xây dựng và được thể hiện bằng tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

2. Chi phí dự án ĐTXD các dự án sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp phải được lập và quản lý trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí trong hoạt động xây dựng, hệ thống giá trong xây dựng và các chế độ chính sách có liên quan do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng được xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có), chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá. Tổng mức đầu tư dự án được ghi trong quyết định đầu tư là cơ sở để lập kế hoạch quản lý vốn đầu tư, xác định hiệu quả đầu tư của dự án. Tổng mức đầu tư được lập theo quy định tại Điều 5, 6 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và



chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

#### 4. Dự toán xây dựng công trình:

4.1. Dự toán xây dựng công trình được xác định theo công trình xây dựng, được lập trên cơ sở khối lượng xác định theo thiết kế hoặc từ yêu cầu, nhiệm vụ công việc cần thực hiện của công trình và đơn giá định mức chi phí cần thiết để thực hiện khối lượng công việc đó. Nội dung dự toán bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí khác, chi phí dự phòng.

4.2. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở để ký kết hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư và các nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu, là cơ sở xác định giá trị xây dựng công trình.

4.3. Dự toán xây dựng công trình của dự án là toàn bộ chi phí cần thiết đầu tư xây dựng công trình được xác định trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế 1 bước và 2 bước và là căn cứ để quản lý xây dựng công trình.

4.4. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 10/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

4.5. Việc lập và quản lý chi phí của dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo các quy định hiện hành.

### **Điều 19. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư xây dựng**

1. Việc tạm ứng vốn được thực hiện ngay sau khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác và được thực hiện theo Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP.

2. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP, Thông tư 96/2021/TT-BTC và các quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG VI HỢP ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**


### **Điều 20. Nguyên tắc chung ký kết hợp đồng trong hoạt động xây dựng**

1. Hợp đồng trong hoạt động xây dựng (Hợp đồng xây dựng) được ký kết sau khi bên giao thầu hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu theo quy định.

2. Hợp đồng xây dựng được thực hiện theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP.

3. Việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng phải tuân thủ quy định của Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 21. Hồ sơ hợp đồng xây dựng**

Hồ sơ hợp đồng xây dựng thực hiện theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP. 



**Điều 22. Điều kiện để khởi công xây dựng công trình**

Điều kiện để khởi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 107 của Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

**Điều 23. Quản lý và nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng**

Quản lý và nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

**CHƯƠNG VII****KẾT THÚC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐƯA VÀO KHAI THÁC SỬ DỤNG****Điều 24. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình ngay sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

2. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp được thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa vào khai thác vận hành sử dụng đánh giá hiệu quả của dự án.

3. Phòng KTTC chủ trì cùng với Phòng CD-AT có trách nhiệm tổng hợp chi phí theo quy định tại Điều 35 Nghị định 10/2021/NĐ-CP. Lập quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP, Thông tư 96/2021/TT-BTC và các quy định hiện hành.

4. Thời gian trình quyết toán vốn đầu tư để HĐQT Công ty hoặc người được uỷ quyền phê duyệt thực hiện theo Điều 47 Nghị định 99/2021/NĐ-CP và các quy định hiện hành.


5. Phòng KTTC báo cáo Giám đốc Công ty chỉ định kiểm toán nội bộ hoặc thuê kiểm toán độc lập, kiểm toán hồ sơ thanh quyết toán các công trình đầu tư xây dựng trước khi trình HĐQT Công ty hoặc người được uỷ quyền phê duyệt quyết toán công trình.

6. Thẩm định, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư là người quyết định đầu tư dự án hoặc người được uỷ quyền quyết định đầu tư dự án.

**Điều 25. Bảo hành, bảo trì, bảo hiểm công trình xây dựng**

1. Bảo hành công trình: Thực hiện theo Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

2. Bảo trì công trình: Thực hiện theo Điều 30 đến Điều 35 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và những quy định khác có liên quan.

3. Bảo hiểm công trình xây dựng: Thực hiện theo Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015, Nghị định 20/2022/NĐ-CP ngày 10/3/2022, Thông tư 50/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 và các văn bản quy định hiện hành. 



## CHƯƠNG VIII

### THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 26. Thanh tra, kiểm tra các hoạt động ĐTXD và xử lý vi phạm**

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thanh tra, kiểm tra các công trình đầu tư xây dựng để tránh các sai phạm có thể xảy ra.

2. Công ty thực hiện việc kiểm tra định kỳ, đột xuất các hoạt động đầu tư và xây dựng trong Công ty, lập báo cáo về công tác quản lý đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

3. Xử lý vi phạm: Tổ chức cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước về ĐTXD thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo qui định của Pháp luật.

## CHƯƠNG IX

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 27. Tổ chức thực hiện**

1. Các nội dung thuộc công tác chuẩn bị dự án (chủ trương đầu tư, phê duyệt, thông qua đề cương - dự toán công tác chuẩn bị dự toán...) đã được phê duyệt, thông qua tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt, thông qua. Các nội dung đã có trong kế hoạch hoặc đã trình cấp có thẩm quyền nhưng chưa được phê duyệt, thông qua thực hiện theo Quy chế này.

2. Đối với các dự án được phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực, các công việc phát sinh sau thời điểm Quy chế có hiệu lực (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung dự án, quyết toán vốn đầu tư) được thực hiện theo Quy chế này.

3. Trường hợp có những thay đổi về quy định, chế độ chính sách khác của Nhà nước có liên quan, Giám đốc Công ty chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi bổ sung trình HĐQT Công ty xem xét, quyết định.

#### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này được áp dụng trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN, có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành và thay thế các quy định trước đây của HĐQT Công ty về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động ĐTXD của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc các quy định Pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định Pháp luật hiện hành. / 